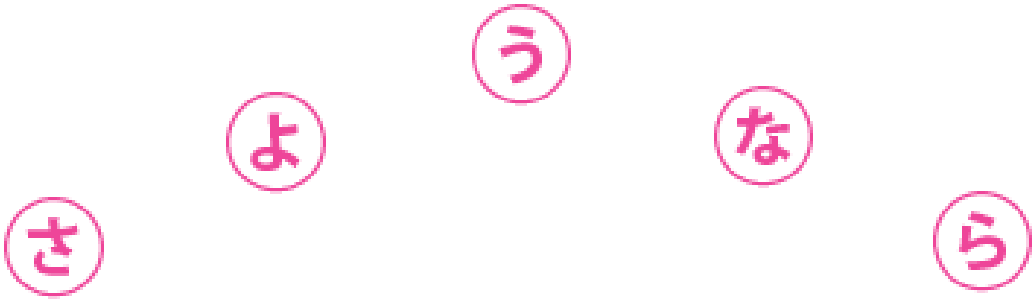


6 ngày luyện

TỪ VỰNG N5

MegaBook

1. Từ vựng N5 ngày 1

Kanji	Vocabulary	Romaji	Meaning
会う	あう	au	gặp
青い	あおい	aoi	xanh
赤い	あかい	akai	đỏ
明るい	あかるい	akarui	sáng
秋	あき	aki	mùa thu
開く	あく	aku	mở (nội động từ)
開ける	あける	akeru	mở (ngoại động từ)
	あげる	ageru	cho, tặng
朝	あさ	asa	buổi sáng
朝ご飯	あさごはん	asagohan	bữa sáng
	あさって	asatte	ngày mốt
足	あし	ashi	chân
明日	あした	ashita	ngày mai

	あそこ	asoko	đằng kia
遊ぶ	あそぶ	asobu	chơi

2. Từ vựng N5 ngày 2

温かい	あたたかい	atatakai	ấm
頭	あたま	atama	đầu
新しい	あたらしい	atarashii	mới
	あちら	achira	phái đằng kia
暑い	あつい	atsui	nóng
厚い	あつい	atsui	dày
後	あと	ato	sau
貴方	あなた	anata	bạn, mày
兄	あに	ani	anh trai
姉	あね	ane	chị gái
	あの	ano	…kia
	あの	ano	à…
	アパート	apaato	căn hộ
浴びる	あびる	abiru	tắm (vòi sen)

危ない	あぶない	abunai	nguy hiểm

3. Từ vựng N5 ngày 3

甘い	あまい	amai	ngọt
	あまり	amari	không...lắm
雨	あめ	ame	mưa
洗う	あらう	arau	rửa
有る	ある	aru	tồn tại
	ある	aru	có
歩く	あるく	aruku	đi bộ
	あれ	are	cái đó
良い	いい / よい	ii, yoi	tốt
	いいえ	iie	không
言う	いう	iu	nói
家	いえ	ie	nhà
行く	いく	iku	đi

	いくつ	ikutsu	bao nhiêu ? (số lượng)
	いくら	ikura	bao nhiêu ? (giá)

4. Từ vựng N5 ngày 4

池	いけ	ike	ao
医者	いしゃ	isha	bác sĩ
椅子	いす	isu	ghế
忙しい	いそがしい	isogashii	bận
痛い	いたい	itai	đau
一	いち	ichi	1
一日	いちにち	ichinichi	1 ngày
一番	いちばん	ichiban	số 1
	いつ	itsu	khi
五日	いつか	itsuka	ngày thứ 5
一緒	いっしょ	issho	cùng nhau
五つ	いつつ	itsutsu	5
	いつも	itsumo	luôn luôn

今	いま	ima	bây giờ
意味	いみ	imi	ý nghĩa

5. Từ vựng N5 ngày 5

妹	いもうと	imouto	em gái của ai đó
	いや	iya	không hài lòng, không chấp nhận được
入口	いりぐち	iriguchi	lối vào
	いる	iru	cần
	いる	iru	tồn tại
入れる	いれる	ireru	bỏ vào
色	いろ	iro	màu
色々	いろいろ	iroiro	nhiều
上	**うえ**	**ue**	**trên**
後ろ	うしろ	ushiro	sau
薄い	うすい	usui	mỏng

歌	うた	uta	bài hát
歌う	うたう	utau	hát
内	うち	uchi	nhà
生まれる	うまれる	umareru	sinh ra

6. Từ vựng N5 ngày 6

海	うみ	umi	biển
売る	うる	uru	bán
上着	うわぎ	uwagi	áo khoác
絵	え	e	tranh, ảnh
映画	えいが	eiga	phim
映画館	えいがかん	eigakan	rạp chiếu phim
英語	えいご	eigo	tiếng Anh
	ええ	ee	vâng
駅	えき	eki	ga
	エレベータ	erebeeta	thang máy
円	えん	en	Yen

鉛筆	えんぴつ	enpitsu	bút chì
美味しい	おいしい	oishii	ngon
大きい	おおきい	ookii	to
	おおぜい	oozei	nhiều người

